BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN & QUẢN LÝ TIỀN TỆ ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (Std)

(Chưa bao gồm 10% VAT - Hiệu lực từ 20/07/2026)

QUẢN LÝ GIAO DỊCH TÀI KHOẢN	Phí (VND)
Dịch Vụ Thanh Toán	
➢Trong Nội Bộ HSBC Việt Nam	
• Chuyển khoản nội bộ	Kênh giao dịch điện tử: Miễn phí Mẫu đơn chuyển tiền thông minh: Miễn phí Lệnh giấy: Miễn phí
• Chỉnh sửa / Hủy / Tra soát lệnh chuyển tiền	110.000
➢Đến Các Ngân Hàng Khác Ở Việt Nam	
• Chuyển tiền bằng ngoại tệ	Kênh giao dịch điện tử: 110.000 Mẫu đơn chuyển tiền thông minh: 330.000 Lệnh giấy: 370.000
• Chuyển tiền có giá trị cao bằng tiền Đồng (>=VND500.000.000)	Kênh giao dịch điện tử: 0,03% (tối đa 800.000) Mẫu đơn chuyển tiền thông minh: 0,055% (tối đa 2.200.000) Lệnh giấy: 0,06% (tối đa 2.500.000)
• Chuyển tiền có giá trị thấp bằng tiền Đồng (<VND500.000.000)	Kênh giao dịch điện tử: 25.000 Mẫu đơn chuyển tiền thông minh: 220.000 Lệnh giấy: 250.000
• Dịch vụ chuyển khoản HSBC NAPAS 24/7 (<VND500.000.000)	Kênh giao dịch điện tử: 28.000
• Chỉnh sửa / Hủy / Tra soát lệnh chuyển tiền	110.000
➢Thanh Toán Thuế và Hải Quan Điện Tử	
• Phí Thanh Toán Thuế/ Hải Quan Điện Tử	tính theo phí giao dịch bằng VND qua kênh giao dịch điện tử
• Phí duy trì dịch vụ hàng tháng	
o Giải pháp Tiêu chuẩn (Thuế điện tử, Hải quan điện tử, Hải quan điện tử 24/7)	Bất kỳ 1 trong số 3 dịch vụ: 500.000/ tháng Bất kỳ 2 trong số 3 dịch vụ: 800.000/ tháng Cả 3 dịch vụ: 1.000.000/ tháng
o Giải pháp Nâng cao (Thuế điện tử, Hải quan điện tử) *(vui lòng liên hệ Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng hoặc Giám Đốc Dịch Vụ Khách Hàng để biết thêm chi tiết)*	Bất kỳ 1 trong số 2 dịch vụ: 500.000/ tháng Cả 2 dịch vụ: 800.000/ tháng
➢Thanh Toán Theo Danh Sách (Một Lệnh Ghi Nợ - Nhiều Lệnh Ghi Có)	
Thanh toán theo danh sách bằng ngoại tệ	
• Trong nội bộ HSBC Việt Nam	Kênh giao dịch điện tử: Miễn phí
• Đến các ngân hàng khác ở Việt Nam	Kênh giao dịch điện tử: 110.000
Thanh toán theo danh sách bằng tiền Đồng	
• Trong nội bộ HSBC Việt Nam	Kênh giao dịch điện tử: Miễn phí
• Đến các ngân hàng khác ở Việt Nam	Chuyển tiền có giá trị cao bằng tiền Đồng (>=VND500.000.000) Kênh giao dịch điện tử: 0,03% (tối đa 800.000) Chuyển tiền có giá trị thấp bằng tiền Đồng (<VND500.000.000) Kênh giao dịch điện tử: 25.000
➢Chuyển Tiền Quốc Tế	
• Phí chuyển tiền	Kênh giao dịch điện tử: 0,08% (tối thiểu 400.000 - tối đa 2.000.000) Mẫu đơn chuyển tiền thông minh: 0,22% (min 770.000 - max. 3.300.000) Lệnh giấy: 0,25% (min 870.000 - max. 3.750.000)
• Phí ngân hàng trung gian (trường hợp người chuyển thanh toán phí này)	Chuyển bằng USD: 330.000 Chuyển bằng JPY: Tính theo số tiền phí thực tế mà ngân hàng trung gian thu Các ngoại tệ khác: 440.000
• Chuyển nguyên số tiền đến ngân hàng thụ hưởng cho giao dịch USD / HKD	880.000
• Chỉnh sửa / Hủy / Tra soát lệnh chuyển tiền	1.300.000
➢Dịch Vụ Thông Báo Chuyển Tiền/ Cảnh Báo Khách Hàng	
• Bằng thư điện tử	1.500/người nhận
• Bằng tin nhắn điện thoại di động	5.000/người nhận
Dịch Vụ Thu	
➢Nhận Tiền Chuyển Về	
• Từ trong nước	Miễn phí
• Từ nước ngoài	Miễn phí
• Phí gửi trả giao dịch chuyển tiền từ nước ngoài chuyển về	1.200.000
➢Dịch Vụ Kênh Thu Đa Phương Tiện (Omni-channel Collection)	
• Phí cài đặt hệ thống	10.000.000/Hồ sơ cài đặt hệ thống
• Phí duy trì dịch vụ hàng tháng	1.000.000/Tháng/Hồ sơ cài đặt hệ thống
• Dịch vụ Omni Portal	1.000.000/Tháng/Hồ sơ cài đặt hệ thống có đăng ký sử dụng dịch vụ Omni Portal
➢Các Dịch Vụ Thu Khác	

• Vui lòng liên hệ Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng hoặc Giám Đốc Dịch Vụ Khách Hàng để biết thêm chi tiết	
KÊNH GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	
• Vui lòng liên hệ Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng hoặc Giám Đốc Dịch Vụ Khách Hàng để biết thêm chi tiết	
DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI KHOẢN	
Dịch Vụ Tài Khoản	
➢Mở Tài Khoản	
• Phí mở tài khoản	22.000.000/tài khoản
• Yêu cầu hàng tháng	
Số dư trung bình tối thiểu hàng tháng cho một tài khoản nếu số dư trung thấp hơn VND1.100.000.000 (chỉ áp dụng cho tài khoản hoạt động thanh toán)	11.000.000/tài khoản
• Phí hàng tháng đối với tài khoản không hoạt động (trên 12 tháng)	820.000/tài khoản
• Phí hàng tháng đối với tài khoản không hoạt động (trên 24 tháng)	1.500.000/tài khoản
➢Phí dịch vụ khi đóng toàn bộ tài khoản với Ngân hàng (theo từng Mã số khách hàng)	550.000/khách hàng
➢Phí xử lý chứng từ / Phí kiểm tra chứng từ với HSBC tại các nước khác)	4.500.000
➢Phí thiết lập hoặc sửa đổi chỉ thị cố định	500.000
Bảng Sao Kê / Sổ Phụ	
➢Hàng tháng / Mỗi hai tuần	Miễn phí
➢Hàng tuần	300.000/tài khoản/tháng
➢Hàng ngày	700.000/tài khoản/tháng
➢Lưu giữ bảng sao kê	700.000/tài khoản/tháng
➢Các bảng in thêm	75.000/tài khoản/tháng
Bảng Sao Kê Nhận Qua SWIFT (Phí Hàng Tháng Trên Mỗi Tài Khoản)	
➢MT940, MT950, BAI hoặc XML (báo cáo ngày trước đó)	700.000/tài khoản/tháng
➢MT940, BAI hoặc XML - với tính năng nâng cao (báo cáo ngày trước đó)	850.000/tài khoản/tháng
➢MT942, BAI hoặc XML (báo cáo trong ngày)	1.300.000/tài khoản/tháng
Phát hành Giấy Báo Nợ/ Báo Có	
➢ Từ 1 đến 100 trang/ tháng	200.000/tháng
➢ Từ 101 đến 500 trang/ tháng	600.000/tháng
➢ Từ 501 đến 1000 trang/ tháng	1.000.000/tháng
➢ Từ 1.001 đến 10.000 trang/ tháng	2.000.000/tháng
➢ >10,000 trang/ tháng	3.000.000/tháng
Giao Dịch Tiền Mặt (Phí Giao Dịch)	
➢Gửi Tiền Mặt	
• VND - Tiền mệnh giá lớn (từ 50.000 VND trở lên)	Miễn phí
• VND - Tiền mệnh giá nhỏ (áp dụng đối với các khoản nộp tiền từ 50.000.000 VND trở lên đối với mỗi khoản tiền gửi)	0,2% (tối thiểu 75.000 - tối đa 3.000.000)
• Ngoại tệ - Tiền mệnh giá lớn (từ 50 USD trở lên hoặc tương đương)	Miễn phí
• Ngoại tệ - Tiền mệnh giá nhỏ (áp dụng đối với các khoản nộp tiền từ 1.000 USD (hoặc tương đương) trở lên đối với mỗi khoản tiền gửi)	0,2% (tối thiểu 75.000 - tối đa 3.000.000)
• Phí kiểm đếm tiền đối với các khoản tiền mặt từ 500.000.000 VND trở lên nộp vào tài khoản nhưng sau đó rút ra hoặc chuyển khoản qua ngân hàng khác trong vòng 2 ngày làm việc	0.2% (tối đa. 3.000.000)
➢Rút Tiền Mặt	
• VND	Miễn phí
• Ngoại tệ	0,2% (tối thiểu 75.000)
Các Dịch Vụ Khác	
➢Fax (mỗi trang) - Trong nước / Quốc tế	200.000
➢Phí gửi thư - Trong nước	200.000
➢Phí gửi thư - Quốc tế	1.000.000
➢Xác nhận giao dịch (giao dịch cho mỗi tài khoản/ tháng) (chuẩn phát hành: 1 bản chính và tối đa thêm 2 bản sao nếu có yêu cầu)	
• Giao dịch phát sinh trong vòng 6 tháng	370.000 + Phí gửi thư
• Giao dịch phát sinh từ 6 đến 12 tháng	620.000 + Phí gửi thư
• Giao dịch phát sinh từ 12 tháng trở lên	1.250.000 + Phí gửi thư
➢Xác nhận khác của ngân hàng (chuẩn phát hành: 1 bản chính và tối đa thêm 2 bản sao nếu có yêu cầu)	370.000 + Phí gửi thư
➢Xác nhận kiểm toán (chuẩn phát hành: 1 bản chính và tối đa thêm 2 bản sao nếu có yêu cầu)	Confirmation.com (điện tử): 370.000 Bản giấy: 620.000 + Phí gửi thư
➢Bản sao bổ sung của Xác nhận giao dịch, Xác nhận khác của ngân hàng, Xác nhận kiểm toán (từ bản sao thứ 4)	100.000/ bản sao
➢Yêu cầu các bảng sao kê cũ (cho mỗi tài khoản / mỗi tháng)	
• Trong vòng 6 tháng	300.000 + Phí gửi thư
• Từ 6 đến 12 tháng	500.000 + Phí gửi thư
• Từ 12 tháng trở lên	1.000.000 + Phí gửi thư
*** LƯU Ý:**	
• Trong trường hợp phí được thu từ tài khoản ngoại tệ của Quý Khách, số tiền phí sẽ được chuyển đổi sang ngoại tệ tương ứng theo tỷ giá hối đoái hiện hành được Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) áp dụng. Do việc làm tròn số trong khi chuyển đổi tiền tệ, số tiền phí thực tế có thể thay đổi so với biểu phí niêm yết bằng VND như trên.	